

Bản án số: 222/2024/HS-PT

Ngày 22 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo **Vũ Thế H**; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2023/HS-ST ngày 22-11-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Thế H**, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750840187XX; nơi đăng ký thường trú: **Số D, Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Q** (đã chết) và bà **Đỗ Thị Thanh H1**; có vợ tên **Phạm Thị Ngọc T** và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 1260/2023/LCĐKNCT ngày 22-11-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vũ Thế H có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 03/7/2022, H điều khiển xe mô tô biển số 60F2-709.XX trong tình trạng nồng độ cồn trong máu vượt quá mức quy định (252,05mg/100ml), lưu thông trên Quốc lộ A, hướng huyện T đi thành phố B. Khi H điều khiển xe đến km 1860+850 Quốc lộ A, đoạn thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, H chuyển hướng rẽ trái không đảm bảo an toàn, đi sai quy tắc giao thông (đi ngược chiều đường) nên đã để xe mô tô biển số 60F2-709.XX đụng vào phía trước bên trái xe mô tô biển số 60B4-092.XX do anh Nguyễn Tuấn T1 (sinh năm 2005, ngụ tại ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai) điều khiển, lưu thông chiều ngược lại gây tai nạn giao thông. Hậu quả anh Nguyễn Tuấn T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 77%.

2. Hiện trường - Giám định:

1/ Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau: Tất cả các dấu vết đều thu thập được đo vào mép đường bên phải, hướng C đi huyện T làm chuẩn (gọi tắt là lề phải), trụ điện không số bên phải nhà Số C Quốc lộ A, Khu phố B, phường T, thành phố B làm mốc.

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường Q, Khu phố B, phường T. Mặt đường rộng 17m00, được phân chia hai chiều lưu thông. Tai nạn xảy ra bên phần đường lưu thông hướng thành phố B đi huyện T, phần đường được chia làm hai làn xe. Làn sát lề phải rộng 4m50, làn liền kề rộng 4m00. Vị trí dấu vết được đánh số và mô tả như sau:

- Số 1 là vị trí xe mô tô biển số 60B4-092.XX: Xe ngã nghiêng bên trái sau tai nạn, đầu xe hướng vào lề phải đường, đuôi xe hướng ra tâm mặt đường. T2 trực bánh trước nằm trên mép lề phải (mép lề đường hướng thành phố B đi huyện T) và cách mốc là 2m50. T2 trực bánh sau cách lề phải là 1m00.

- Số 2 là vị trí xe mô tô biển số 60F2-709.XX: Xe ngã nghiêng bên phải, đầu xe hướng về huyện T, đuôi xe hướng thành phố B. T2 trực bánh trước cách lề phải là 3m70. T2 trực bánh sau cách lề phải là 3m45 và cách tâm trục bánh sau xe (1) là 3m10.

- Số 3 là vị trí vết máu: Tiết diện vết máu là (0m60 x 0m60), tâm vết máu cách lề phải là 1m30 và cách tâm trục bánh sau xe (1) là 1m30.

- Số 4 là vị trí vết cày không liên tục do xe số (2) ngã để lại trên mặt đường dài 03m. Đầu vết cày cách lề phải là 4m00 và cách tâm trục bánh sau xe (2) là 3m00.

2/ Tại Bản Kết luận giám định số: 1670/KLGD-PC09 ngày 19/8/2022 của Giám định viên **Phòng K - Công an tỉnh Đ**, kết luận: Phía trước bên trái xe mô tô hai bánh biển số 60B4-092.XX (dấu vết trượt xước, cong vênh vành bánh trước bên trái; dấu vết trượt xước, nứt vỡ các chi tiết bên trái: cụm đèn tín hiệu trước bên trái, ốp nhựa đầu trên giảm sóc trái và yếm chắn gió bên trái) chiều từ trước ra sau; phù hợp va chạm với phía trước bên phải xe mô tô hai bánh biển số 60F2-709.XX (dấu vết trượt xước, khuyết kim loại tại vành bánh trước bên phải; dấu vết trượt xước, mất bụi và dính chất màu đen tại mặt sau giảm sóc trước bên phải; dấu vết trượt xước, nứt vỡ các chi tiết bên phải: vệ chắn bùn, yếm chắn gió và cụm đèn chiếu sáng) chiều từ phải qua trái.

3/ Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1432/TgT/2022 ngày 26/12/2022 của **Trung tâm Pháp y tỉnh Đ**, kết luận thương tích của **Nguyễn Tuấn T1** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị hiện không còn hình ảnh mẩu tụ; tụ máu dưới màng cứng đã điều trị hiện không để lại di chứng xuất huyết khoang dưới nhện đã điều trị khỏi không để lại di chứng; khuyết sọ đáy chắc bán cầu trái; gãy xương gò má trái không ảnh hưởng chức năng; gãy xương hàm trái không di lệch; gãy bản dốt và cánh lớn xương bướm trái; dập não trán trái và vùng thái dương trái. Sẹo mổ bán cầu trái; sẹo mổ dẫn lưu vùng đỉnh; sẹo vùng tháp mũi; sẹo mặt trong gò phải.

2. Kết luận:

- Tổn thương tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị hiện không còn hình ảnh máu tụ; tỷ lệ: 05%. Tổn thương tụ máu dưới màng cứng đã điều trị hiện không để lại di chứng; tỷ lệ: 08%. Tổn thương xuất huyết khoang dưới nhện đã điều trị khỏi không để lại di chứng; tỷ lệ: 08%. Tổn thương khuyết sọ đáy chắc bán cầu trái kích thước 11,3x14cm; tỷ lệ: 31%. Tổn thương gãy xương gò má trái không ảnh hưởng chức năng; tỷ lệ: 08%. Tổn thương gãy xương hàm trái không di lệch; tỷ lệ: 08%. Tổn thương gãy bản dốt và cánh lớn xương bướm trái, điện não đồ không có ổ tổn thương tương ứng; tỷ lệ: 16%. Tổn thương dập não trán trái kích thước 1,4x1,9cm vùng thái dương trái kích thước 04x4,4cm; tỷ lệ: 31%. Tổn thương nhu mô phổi (dập phổi) đã điều trị không để lại di chứng; tỷ lệ: 08%.

- Sẹo mổ bán cầu trái kích thước 35x0,8cm; tỷ lệ: 03%. Sẹo mổ dẫn lưu vùng đỉnh kích thước 0,5x0,3cm; tỷ lệ: 01%. Sẹo vùng tháp mũi kích thước 01x0,4cm; tỷ lệ: 03%. Sẹo mặt trong gò phải kích thước 01x0,4cm; tỷ lệ: 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Nguyễn Tuấn T1** áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng **Bộ Y** tế là: 77% (bảy mươi bảy phần trăm).

3. Vật chứng:

02 phương tiện cơ giới đường bộ nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố B** đã giao trả cho chủ sở hữu.

4. Dân sự:

Quá trình điều tra, **Vũ Thế H** đã bồi thường chi phí điều trị thương tích và các thiệt hại khác cho anh **Nguyễn Tuấn T1** với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); anh **T1** đã có đơn “bãi nại” cho bị cáo.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2023/HS-ST ngày 22-11-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo **Vũ Thế H** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt **Vũ Thế H** 03 (ba) năm tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, bị cáo **Vũ Thế H** kháng cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

7. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Vũ Thế H** theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Hình phạt của cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thế H thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thế H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại. Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo trình bày bản thân là lao động chính, là công nhân phải đi làm để nuôi vợ và con nhỏ.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Thế H mức án 03 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, sau khi xem xét lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Vũ Thế H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Vũ Thế H**;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 636/2023/HS-ST ngày 22-11-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Vũ Thế H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án **Vũ Thế H** vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo **Vũ Thế H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành